

Số: 08/QĐ-MNTSN

Tân Bình, ngày 14 tháng 01 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON TÂN SƠN NHẤT

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Thông tư 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục công lập;

Căn cứ Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17 tháng 04 năm 2024 về việc hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị quyết số 103/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024 về dự toán thu ngân sách nhà nước; thu, chi ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023 về quy định chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/06/2023 của Quốc hội;

Căn cứ Quyết định số 20/2024/QĐ-UBND ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng theo hiệu quả công việc đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn Thành phố Hồ chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc giao quyền tự chủ về tài chính cho Trường mầm non Tân Sơn Nhất giai đoạn 2023-2025;

Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập,

Luật Ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Quyết định số 714/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc phê duyệt số lượng hợp đồng làm công việc hỗ trợ, phục vụ theo nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ;

Căn cứ văn bản số 1344/TCKH ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Phòng Tài chính – Kế hoạch quận Tân Bình về việc xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 848/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2024 về phân bổ dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2025 cho các đơn vị Khối Giáo dục quận Tân Bình;

Căn cứ biên bản họp toàn thể viên chức, người lao động trường mầm non Tân Sơn Nhất ngày 30/12/2024 về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo quyết định này là “**Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025 của Trường Mầm non Tân Sơn Nhất**”.

Điều 2: Các Quy chế chi tiêu nội bộ trước đây có nội dung trái với nội dung của quy chế này đều bãi bỏ.

Điều 3: Toàn thể viên chức, người lao động của đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2025.

Nơi nhận :

- Điều 3;
- Kho bạc Nhà nước;
- P.TC-KH;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Xuân



QUY CHẾ

Chi tiêu nội bộ năm 2025

(Ban hành theo Quyết định số: 08/QĐ-MNTSN ngày 14 thán 01 năm 2025 của Trường mầm non Tân Sơn Nhất)

CHƯƠNG I

Điều 1: Những quy định chung

Quy chế chi tiêu nội bộ thực hiện theo cơ chế tự chủ tự chịu trách nhiệm và được giao quyền tự chủ theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập được áp dụng tại trường Mầm non Tân Sơn Nhất là đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo một phần chi thường xuyên. Mức tự đảm bảo chi thường xuyên 26.54% thuộc nhóm 3(có mức tự đảm bảo từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên).

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế chi tiêu nội bộ điều chỉnh đối với nguồn kinh phí ngân sách nhà nước giao thực hiện chế độ tự chủ hàng năm bao gồm các nguồn tài chính quy định tại điểm a, điểm c khoản 1, khoản 2, khoản 3 (phần được để lại để chi thường xuyên phục vụ công tác thu phí) và khoản 5 Điều 15 Nghị định 60/2021/NĐ-CP và các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng cho đơn vị và toàn thể viên chức, người lao động của đơn vị.

Điều 2: Mục đích xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ

1. Thực hiện quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong việc tổ chức công việc, sắp xếp bộ máy, sử dụng lao động và nguồn lực tài chính để hoàn thành nhiệm vụ được giao; tăng nguồn thu nhằm từng bước cải thiện thu nhập cho viên chức, người lao động của Trường.

2. Tạo quyền chủ động trong quản lý và chi tiêu tài chính cho Hiệu trưởng giúp cán bộ, viên chức của trường hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3. Thúc đẩy việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc sử dụng biên chế và kinh phí trong nhà trường; thực hiện chương trình hành động phòng chống tham nhũng tại các đơn vị hành chính sự nghiệp.

4. Là căn cứ để quản lý, thanh toán các khoản chi tiêu trong đơn vị; thực hiện kiểm soát chi của Kho bạc Nhà nước; cơ quan quản lý cấp trên; cơ quan tài chính và các cơ quan thanh tra, kiểm toán theo quy định.

5. Sử dụng nguồn tài chính của trường đúng mục đích, có hiệu quả.

6. Tạo công bằng trong đơn vị, khuyến khích tăng thu, tiết kiệm chi, thu hút và giữ được những người có năng lực trong đơn vị.

Điều 3: Nguyên tắc, nội dung xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ

1. Quy chế chi tiêu nội bộ đảm bảo trong hành lang pháp lý

Quy chế chi tiêu nội bộ do Thủ trưởng cơ quan ban hành sau khi tổ chức thảo luận rộng rãi dân chủ, công khai trong đơn vị và có ý kiến thống nhất của tổ chức Công đoàn đơn vị. Quy chế chính thức phải được thông qua tại Hội nghị cán bộ, viên chức của Trường.

2. Quy chế chi tiêu nội bộ được gửi đến Cơ quan tài chính để theo dõi, giám sát thực hiện đồng thời gửi Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị mở tài khoản giao dịch để làm căn cứ kiểm soát chi theo Thông tư 17/2024/TT-BTC ngày 14/3/2024.

3. Nội dung Quy chế chi tiêu nội bộ bao gồm các quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức, mức chi thống nhất trong Trường, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao, sử dụng kinh phí tiết kiệm có hiệu quả, tăng cường công tác quản lý và phù hợp với hoạt động đặc thù của Trường.

4. Thủ trưởng được quyết định mức chi quản lý và chi nghiệp vụ cao hơn hoặc thấp hơn mức chi do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định (phù hợp với yêu cầu thực tế và khả năng tài chính hiện có của nhà trường đối với các nguồn thu sự nghiệp khác phát sinh tại trường).

5. Thủ trưởng căn cứ tính chất công việc, khối lượng công việc tình hình thực hiện của năm trước, quyết định phương thức khoán chi phí cho từng cá nhân, bộ phận như: sử dụng văn phòng phẩm, khoán điện thoại, khoán công tác phí nhằm tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn kinh phí của nhà trường.

6. Thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ, đơn vị, cá nhân phải bảo đảm có chứng từ, hoá đơn hợp pháp, hợp lệ theo quy định của pháp luật, trừ các khoản thanh toán văn phòng phẩm, chi phí thuê mượn vận chuyển thanh toán công tác phí được Trường thực hiện chế độ khoán theo Quy chế chi tiêu nội bộ;

7. Không được dùng kinh phí của Trường để mua sắm thiết bị, đồ dùng, tài sản trang bị tại nhà riêng hoặc cho cá nhân mượn để sử dụng cho việc riêng dưới bất kỳ hình thức nào.

8. Trong trường hợp có sự thay đổi tiêu chuẩn, định mức chi theo chế độ từng khoản chi của nhà nước thì Thủ trưởng có thể điều chỉnh trên cơ sở kết luận của Hội nghị liên tịch.

9. Toàn bộ nguồn thu, nội dung chi, trường thống nhất quản lý và hạch toán theo quy định của Luật kế toán 88/2015/QH13 Ngày 20/11/2015 có hiệu lực 01/01/2017 và Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Kế toán áp dụng trong lĩnh vực Kế toán nhà nước; Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17 tháng 04 năm 2024 về việc hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

Điều 4: Căn cứ để xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Thông tư 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục công lập;

Căn cứ Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17 tháng 04 năm 2024 về việc hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị quyết số 103/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024 về dự toán thu ngân sách nhà nước; thu, chi ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023 về quy định chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/06/2023 của Quốc hội;

Căn cứ Quyết định số 20/2024/QĐ-UBND ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng theo hiệu quả công việc đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc giao quyền tự chủ về tài chính cho Trường mầm non Tân Sơn Nhất giai đoạn 2023-2025;

Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Quyết định số 714/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc phê duyệt số lượng hợp đồng làm công việc hỗ trợ, phục vụ theo nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ;

Căn cứ văn bản số 1344/TCKH ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Phòng Tài chính – Kế hoạch quận Tân Bình về việc xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 848/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2024 về phân bổ dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2025 cho các đơn vị Khối Giáo dục quận Tân Bình;

Căn cứ biên bản họp toàn thể viên chức, người lao động trường mầm non Tân Sơn Nhất ngày 30/12/2024 về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025.

CHƯƠNG II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

NGUỒN THU

TÂN
SƠN
NHẤT
7.1

Điều 5: Nguồn thu ngân sách Nhà nước cấp tự chủ

Kinh phí Ngân sách Nhà nước cấp chi hoạt động thường xuyên thực hiện nhiệm vụ hàng năm do cấp có thẩm quyền giao:

Ngân sách cấp:

- a. Tồn năm 2024 chuyển sang 497.802.872 đồng
Trong đó:
 - Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ: 15.061.631 đồng
 - Chênh lệch mức lương cơ sở 39.250.817 đồng
 - Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND 444.125.612 đồng
- b. Nguồn kinh phí ngân sách cấp năm 2025 9.971.039.000 đồng
Trong đó:
 - Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ: 6.048.494.000 đồng
 - Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND 3.922.545.000 đồng

Điều 6: Nguồn thu sự nghiệp (dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước)

Áp dụng từ 01/9/2024 và Căn cứ Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2024 - 2025 và các năm học tiếp theo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Nguồn thu học phí

Mức thu từ phụ huynh học sinh:

- + Nhà trẻ: 200.000 đồng /cháu/ tháng
- + Mẫu giáo: 160.000 đồng / cháu/ tháng
- + Trẻ em mầm non 5 tuổi được miễn học phí từ năm học 2024-2025 (được hưởng từ 01/9/2024)

Mức thu từ ngân sách nhà nước: Trẻ em mầm non 5 tuổi từ năm học 2024-2025 được nhà nước cấp bù theo mức: 160.000 đồng / cháu/ tháng

2. Thu tiền dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước (Các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu chi đối với dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục):

-Áp dụng theo Kế hoạch thu chi năm học 2024-2025 đã thông qua Phòng Giáo dục và Đào tạo và thống nhất với từng phụ huynh học sinh, cụ thể:

2.1. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục

Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	296.000 đồng/học sinh/tháng
Dịch vụ phục vụ ăn sáng	150.000 đồng/học sinh/tháng
Dịch vụ khám sức khỏe học sinh ban đầu (bao gồm khám nha học đường)	46.000 đồng/học sinh/năm (23.000đồng x 02 lần khám)
Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	20.000 đồng/học sinh /tháng (nhận thông báo từ eNetViet)

2.2. Các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác

2.2.1. Tiền tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống và chương trình nhà trường

Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ: Vẽ	80.000 đồng/học sinh/tháng
Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ: Nhịp điệu	80.000 đồng/học sinh/tháng
Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ: Võ	80.000 đồng/học sinh/tháng
Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống	79.000 đồng/học sinh/tháng
Tiền tổ chức Giáo dục STEM	80.000 đồng/học sinh/tháng
Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ	230.000 đồng/học sinh/tháng

2.2.2. Các khoản thu cho cá nhân học sinh

Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú.	264.000 đồng/ học sinh/năm
Học phẩm	50.000 đồng/học sinh/năm
Học cụ - học liệu:	
- Nhà trẻ:	350.000 đồng/học sinh/năm
- Mẫu giáo:	400.000 đồng/học sinh/năm
Tiền suất ăn trưa bán trú	37.000 đồng/học sinh/ngày
Tiền suất ăn sáng	20.000 đồng/học sinh/ngày
Tiền nước uống	15.000 đồng/học sinh/tháng

3. Các khoản thu khác:

Thanh lý tài sản công: 100.000 đồng- 5.000.000 đồng

Lãi tiền gửi ngân hàng: 100.000 đồng-1.000.000 đồng.

Mục 2

NỘI DUNG CHI

Điều 7: Nội dung chi thường xuyên giao tự chủ

1. Chi thường xuyên thực hiện nhiệm vụ được giao từ dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước: căn cứ khoản 2, điều 5 Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập: trường hợp cơ quan có thẩm quyền chưa ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được xác định theo quy định của pháp luật về giá hoặc mức bình quân chi phí hợp lý, hợp lệ thực hiện của 03 năm trước liền kề.

2. Chi từ nguồn dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước: căn cứ khoản 3, điều 6 Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập: Đơn vị sự nghiệp công được tự chủ quyết định các khoản chi để cung cấp dịch vụ sự nghiệp công đảm bảo tính hợp lý, hợp lệ và phải quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ; phải tổ chức công tác kế toán theo đúng quy định của pháp luật về kế toán; mở sổ sách kế toán, sử dụng, quản lý chứng từ, tổ chức hạch toán, theo dõi riêng đảm bảo ghi nhận đầy đủ, chính xác doanh thu và phân bổ đầy đủ, chính xác chi phí đối với từng hoạt động; phải đăng ký, kê khai, nộp đủ thuế và

các khoản thu ngân sách khác (nếu có) theo quy định của pháp luật; thực hiện chế độ Tự Kiểm tra Tài chính, kế toán đầy đủ, định kỳ; thực hiện chế độ báo cáo tài chính đúng, kịp thời với các cơ quan quản lý cấp trên và các cơ quan có liên quan theo quy định.

Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công chịu trách nhiệm về hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công, đất đai được Nhà nước giao quản lý, sử dụng; nguồn tài chính tại đơn vị theo quy định của pháp luật

Điều 8: Các nội dung thanh toán cá nhân

Mục 6000: Tiền lương Trường đảm bảo mức lương cơ bản theo quy định hiện hành cho CC-VC-NLĐ: **2.500.000.000 đồng- 2.766.481.023 đồng**

Tiền lương = Hệ số lương x Mức lương cơ sở

Mục 6100 : Phụ cấp lương: 1.300.000.000 đồng- 1.616.103.000 đồng

- Phụ cấp chức vụ Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng, tổ trưởng, tổ phó thực hiện theo quy định Nhà nước: Hệ số * mức lương cơ sở

+ Hiệu trưởng: 0,5

+ Phó hiệu trưởng: 0,35

+ Tổ trưởng chuyên môn: 0,2

+ Tổ phó chuyên môn: 0,15 (nếu có)

- Phụ cấp ưu đãi: Theo quy định của ngành (Giáo viên trực tiếp đứng lớp, Ban giám hiệu được phân công dạy: 35%)

- Phụ cấp vượt khung: Theo quy định

- Phụ cấp thâm niên nhà giáo: Theo quy định

- Phụ cấp trách nhiệm:

+ Phụ trách kế toán: theo quy định.

+ Phụ cấp hướng dẫn tập sự (nếu có): theo quy định.

- Phụ cấp làm thêm giờ: theo quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/02/2013 và theo điều 105 của Bộ Luật lao động năm 2019.

- Phụ cấp khác: theo quy định.

Mục 6200 : Tiền Thưởng: 20.000.000 đồng- 28.208.000 đồng

Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ban hành ngày 31/12/2023 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng.

- Chiến sĩ thi đua quận : 1 lần x ML cơ sở

- Lao động tiên tiến : 0,3 lần x ML cơ sở

Mục 6300 : Các khoản đóng góp: 500.000.000 đồng- 682. 856.000 đồng

Theo quy định hiện hành.

Mục 6400 : Các khoản thanh toán khác cho cá nhân: 44.000.000 đồng- 54.000.000 đồng

- Tiền trợ cấp tết : theo qui định hiện hành.

Điều 9: Chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

a) Đối với đối tượng là viên chức:

Chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức theo quyết định công nhận kết quả đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức của nhà trường năm 2024 và được tính từng quý như sau:

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định về chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 103/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024 về dự toán thu ngân sách nhà nước; thu, chi ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 20/2024/QĐ-UBND ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng theo hiệu quả công việc đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Hướng dẫn số 03/HD-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc đánh giá, xếp loại chất lượng theo hiệu quả công việc đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại cơ quan, đơn vị trên địa bàn quận Tân Bình.

1. Đánh giá: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ:

Hệ số thu nhập tăng thêm là 1,5 lần tiền lương theo ngạch bậc, chức vụ:

(Hệ số lương + Phụ cấp chức vụ + Phụ cấp thâm niên vượt khung) x 1,5 x MLCS

2. Đánh giá: Hoàn thành tốt nhiệm vụ:

Hệ số thu nhập tăng thêm là 80% của 1,5 lần tiền lương theo ngạch bậc, chức vụ:

(Hệ số lương + Phụ cấp chức vụ + Phụ cấp thâm niên vượt khung) x 1,5 x 80% x MLCS

- Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn cải cách tiền lương.

b) Đối với đối tượng được chi thu nhập tăng thêm theo mức tiền cụ thể

- Đối với đối tượng là người được tuyển dụng vào làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập do Thủ trưởng đơn vị trực tiếp ký hợp đồng thực hiện công tác hỗ trợ, phục vụ theo quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP và Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

- Về thực hiện đánh giá:

Căn cứ Quyết định số 20/2024/QĐ-UBND ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng theo hiệu quả công việc đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Hướng dẫn số 03/HD-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc đánh giá, xếp loại chất lượng theo hiệu quả công việc đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại cơ quan, đơn vị trên địa bàn quận Tân Bình.

- Về mức chi:

1. P. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định về chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người được tuyển dụng vào làm việc theo chế độ hợp đồng Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ được đánh giá **“Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”** được hưởng 9.000.000 đồng/quý.

- Người được tuyển dụng vào làm việc theo chế độ hợp đồng Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ được đánh giá **“Hoàn thành tốt nhiệm vụ”** được hưởng 80% của “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” nghĩa là $80\% \times 9.000.000$ đồng/quý.

Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn cải cách tiền lương của đơn vị.

Điều 10: Các nội dung chi hoạt động

Mục 6051 : Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng: 191.059.000 đồng

Tiền công chế độ của nhân viên hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

Mục 6250 : Phúc lợi tập thể: 5.000.000 đồng- 7.000.000 đồng

- Tiền thuốc chữa bệnh thông thường
- Tiền hóa chất, vệ sinh phòng dịch...

Mục 6500 : Thanh toán dịch vụ công cộng: 150.500.000 đồng- 213.000.000 đồng

Tăng cường các biện pháp quản lý nhằm tiết kiệm điện ,nước thông qua các định mức cụ thể :

- Tiền Điện, Nước sinh hoạt, Tiền nhiên liệu
- Vệ sinh, môi trường xét nghiệm mẫu nước, đổ rác, thuốc hủy mầm cầu, chống mối mọt, thuốc trừ sâu, thuốc xịt kiến muỗi chuột thuốc trừ cỏ, phân bón cây và các vật dụng vệ sinh thanh toán theo thực tế.
- Tiền mua vật dụng vệ sinh
- Chi khác ...

Mục 6550 : Vật tư văn phòng: 9.000.000 đồng - 32.000.000 đồng

- Văn phòng phẩm dùng cho hoạt động
- Dụng cụ Văn phòng khác : mực in
- Vật tư khác: bảng biểu, băng rôn...

Mục 6600 : Thông tin tuyên truyền– liên lạc: 2.800.000 đồng– 10.000.000 đồng

- Cước phí bưu chính
- Thuê bao cáp truyền hình, cước phí internet, thuê đường truyền mạng ...
- Chụp hình, tráng rơi ảnh ...
- Ấn phẩm, sách, báo, tạp chí thư viện...

Mục 6650: Hội nghị: 500.000 - 2.000.000 đồng

Căn cứ thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/04/2017 của Bộ Tài Chính quy định quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị;

Hội nghị CBCC: chi đặt bằng rôn trang trí hội nghị hoặc thuê hội tổ chức hội nghị (nếu có) thanh toán theo thực tế.

Mục 6700: Công tác phí (khoản 500.000đồng/người /tháng): 1.000.000 đồng-12.000.000 đồng

- Theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi Hội nghị.

+ Viên chức thường xuyên đi công tác, giao dịch trong tháng được khoán tiền công tác phí 500.000 đồng/tháng để mua nhiên liệu và phí gửi xe, bao gồm: Kế toán, Văn thư.

Mục 6750 : Chi phí thuê mướn: 15.000.000 đồng- 60.000.000 đồng

- Thuê phương tiện vận chuyển (6751)

- Thuê đào tạo lại cán bộ (6758): tham gia các lớp do cấp trên tổ chức như : kiến thức vệ sinh an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng cháy chữa cháy, các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo yêu cầu của lãnh đạo ngành định mức... chi trả 30%-100%. Học bồi dưỡng thường xuyên, học Stem định mức chi trả từ 50%HP /người-100%HP/người

- Chi phí thuê mướn khác (6799):

+ Thuê chặt cây, vận chuyển, thông cầu cống ...diệt chuột, xịt muỗi, mé nhánh cây, sửa chữa nhỏ, thuê xe chở hàng...

+ Thuê khoán nhân công theo hợp đồng công việc cụ thể từ 3.500.000 đồng đến 6.500.000 đồng/tháng/ người

Mục 6900 : Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng (theo nhu cầu thực tế): 11.000.000 đồng- 85.000.000 đồng

- Tài sản và thiết bị chuyên dùng (6905) : sửa chữa, bảo trì tài sản sử dụng trong chuyên môn; bảo trì, nạp bột, khí bình phòng cháy chữa cháy; nạp gas, vệ sinh máy điều hòa, máy xay thịt, máy giặt, thang nâng thực phẩm.....

- Nhà cửa(6907): chống thấm, chống dột, sơn sửa, hàn cống, dặm vá sân trường, hành lang, lớp học, nhà vệ sinh, tường rào

- Các thiết bị công nghệ thông tin (6912): bảo trì các phần mềm, bảo trì, vệ sinh máy tính, máy in định kỳ hàng quý; sửa chữa thay thế linh kiện hư hỏng phát sinh...

- Máy bơm nước

- Tài sản và thiết bị văn phòng (6913): sửa chữa, thay linh kiện máy in, máy scan, CPU, máy photocopy...

- Đường điện, cấp thoát nước (6921): mua vật tư điện, nước

- Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác (6949)

Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn: 10.000.000 đồng-20.000.000 đồng

- Kệ sắt trong kho chuyên môn và bán trú.



Mục 7000 : Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành: 26.500.000 đồng- 67.091.000 đồng

Chi theo nhu cầu thực tế phục vụ cho các hoạt động nâng cao chuyên môn nghiệp vụ , giảng dạy và học tập của học sinh trên cơ sở các qui định hiện hành của nhà nước như :

+ Mua hàng hoá, vật tư: Sách, tài liệu chuyên môn, Chi phí đồ dùng dạy học phục vụ chuyên môn, Mua đồ dùng dạy học, Mua đồ dùng đồ chơi cho các lớp, Bổ sung kệ góc chơi, bảng biểu..., Bảng biểu, decal chuyên môn, Làm băng rôn, phong chuyên đề, Mua vật liệu, tổ chức hội thi làm đồ dùng dạy học...

+ Bảo hộ lao động: trang bị cho nhân viên nấu ăn(5 người): 300.000đ - 500.000đ/người/năm.

+ Chi phí khác : khai bể giảng, chuyên đề, thuốc y tế học sinh, các vật dụng phục vụ bán trú, tiền các hoạt động lễ hội cho học sinh: Trung thu, 20/11, 22/12, tết tây, tết cổ truyền, 8/3, giỗ tổ Hùng Vương, Quốc tế thiếu nhi 1/6, gia hạn CKS, gia hạn vận hành cổng thông tin điện tử, nâng cấp, cài đặt các phần mềm thu tiền học sinh , bán trú, chuyên môn...

Mục 7750 : Chi Khác: 4.000.000 đồng -11.000.000 đồng

- Chi mua bảo hiểm tài sản và phương tiện (7757) bảo hiểm an toàn điện trở, bảo hiểm cháy nổ...

- Chi tiếp khách (7761): bánh, trà nước tiếp đoàn kiểm tra, học tập, tham dự chuyên đề....

- Chi khác : mua cây kiểng, phân bón, đất trồng nhằm mục đích xây dựng công sở văn minh, sạch đẹp...

Mục 8049: Chi hỗ trợ và giải quyết việc làm: Trợ cấp thôi việc 10.000.000- 36.000.000 đồng (nếu có phát sinh viên chức, người lao động thôi việc)

Điều 11: Nội dung chi từ nguồn thu sự nghiệp (dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước)

1. Chi từ nguồn thu học phí

- Thanh toán cho cá nhân (Hỗ trợ hoạt động trực tiếp và phục vụ giảng dạy) :

+ Chi cho Giáo viên trong toàn trường trong công tác giảng dạy; chi hoạt động dạy và học : từ 100.000 -> 1.000.000 đ/người/tháng

+ Chi cho ban giám hiệu : từ 400.000đ/người/ tháng -1.900.000đ/người/tháng

+ Chi cho kế toán : từ 300.000đ/người/ tháng -1.600.000đ/người/tháng

+ Chi cho văn thư, nhân viên HĐ111(được phân công nấu ăn), nhân viên nấu ăn : từ 100.000đ/người/ tháng -1.000.000đ/người/tháng

+ Chi hỗ trợ lương cho nhân viên hợp đồng tại đơn vị từ 1.000.000 -> 7.500.000 đ/ người/ tháng và các khoản đóng góp theo lương.

- Chi hoạt động : thanh toán tiền điện, nước, mua sắm trang thiết bị, TSCĐ (Tủ đựng đồ chơi ngoài trời) sửa chữa CSVN, đồ dùng bán trú, văn phòng phẩm, vật tư VP, chi hoạt động chuyên môn, đồ dùng dạy học, hỗ trợ 20%-50% HP tập huấn, đào tạo các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho VC-NLĐ .Chi cài đặt, bảo trì và nâng cấp các

phần mềm, hỗ trợ công tác chuyên môn, Mua đồ dùng đồ chơi cho các lớp, chi khác ...), Chi khen thưởng CSTĐ-LĐTT cho NV hợp đồng 111.

- 2% thuế TNDN

2. Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú

- Chi trả tiền công cho nhân viên hợp đồng trường: từ 300.000.000đồng/năm - 463.320.000 đồng /năm.

- Chi trả tiền công cho cán bộ, giáo viên, nhân viên :

* Hiệu trưởng: 1.500.000đ - 2.500.000đ/tháng/người

* Phó Hiệu trưởng: 1.400.000đ - 2.300.000đ/tháng/ người

* Kế toán: 1.400.000đ - 2.300.000đ/tháng/người

* Giáo viên: 1.100.000đ - 2.000.000đ/tháng/người

* Văn thư: 1.000.000đ - 1.800.000đ/tháng/người

* Nhân viên nấu ăn HĐ111: 1.000.000đ - 1.800.000đ/tháng/người

- Hỗ trợ công tác kiêm nhiệm như sau:

* Tiếp phẩm: 100.000đ/ người/tháng

* Phụ trách y tế + thủ quỹ: 300.000đ/người/tháng

* Phụ trách pháp luật: 100.000đ/người/tháng

* Ban học cụ: 100.000 đ/ người/tháng

* Thư ký hội đồng + liên tịch: 200.000/người/tháng

* Thủ kho: 200.000/người/tháng

* Trưởng ban TTND: 200.000 đ/ người/tháng

* Phụ trách tin học: 100.000 đ/ người/tháng

- Chi Tiền điện nước. Vật tư văn phòng, vi tính, vật tư vật dụng vệ sinh bán trú. Mua sắm CSVC, sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất và trang thiết bị, camera, máy lạnh, âm thanh...Chi cài đặt, bảo trì và nâng cấp các phần mềm, hỗ trợ công tác chuyên môn, Mua đồ dùng đồ chơi cho các lớp, hỗ trợ 20%-50% HP tập huấn, đào tạo các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho VC-NLĐ, Chi TC tết Nguyên đán cho NV hợp đồng 111 và HĐ trường(theo quy định hiện hành), chi khác...từ 50.000.000đ - 65.400.000 đồng/năm

- Khấu hao tài sản cố định: 500.000đ - 2.000.000đồng/năm

- Đóng Thuế thu nhập doanh nghiệp: 2%

3. Dịch vụ phục vụ ăn sáng:

Chi trả tiền công phục vụ ăn sáng cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên:

98% được chia đều trên tổng hệ số và mức hưởng như sau:

* Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng: hệ số 1,5

* Giáo viên + kế toán: hệ số 1,4

* Văn thư: hệ số 1,3

* Nhân viên nấu ăn, nhân viên HĐ111(được phân công nấu ăn): hệ số 1,6

2% đóng Thuế thu nhập doanh nghiệp

4. Dịch vụ khám sức khỏe học sinh ban đầu

98% chi trả tiền khám sức khỏe ban đầu cho Trung tâm y tế (2 lần/ năm)

2% đóng thuế thu nhập doanh nghiệp

5. Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số

98% chi trả tiền dịch vụ công nghệ thông tin

2% đóng thuế thu nhập doanh nghiệp

6. Chi các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác

6.1 Tiền tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống và chương trình nhà trường

6.1.1 Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ: Vẽ

- Chi thanh toán cá nhân (giáo viên giảng dạy trực tiếp - giáo viên hợp đồng công ty thuê ngoài): Chi 60% trên tổng số thu / môn / tháng

- Chi cho bộ phận trực tiếp (Giáo viên), gián tiếp (Cán bộ quản lý, bộ phận hành chính, NV):

* Chi 10% trên tổng số học sinh học trong tháng chia cho BGH, NV Hành chính (KT, VT), NVPV, BV: tùy theo chức vụ công việc, cụ thể:

Hiệu trưởng: 22% trên 10%/người/ tháng

Phó hiệu trưởng: 20% trên 10%/người/ tháng

Kế toán : 18% trên 10%/người/ tháng

Văn thư: 8% trên 10%/người/ tháng

Nhân viên PV, Bảo vệ: 3% trên 10% /người/ tháng

* Chi 18% trên tổng số học sinh học trong tháng chia đều cho GV theo sĩ số từng lớp

- Chi nghiệp vụ chuyên môn, Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động: 10% Chi mua tập tô màu, bút vẽ, bút màu sáp. Mua sắm CSVC, sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất và trang thiết bị đồ dùng, đồ chơi... Hỗ trợ tiền điện, nước

- Khấu hao tài sản cố định: 200.000đ - 500.000đồng/năm

- 2% đóng thuế thu nhập doanh nghiệp

6.1.2 Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ: Võ

- Chi thanh toán cá nhân (giáo viên giảng dạy trực tiếp - giáo viên hợp đồng công ty thuê ngoài): Chi 70% trên tổng số thu / môn / tháng

- Chi cho bộ phận trực tiếp (Giáo viên), gián tiếp (cán bộ quản lý, bộ phận hành chính):

* Chi 6.9% trên tổng số học sinh học trong tháng chia cho cán bộ quản lý, nhân viên Hành chính (KT, VT), NVPV, BV: tùy theo chức vụ công việc, cụ thể:

Hiệu trưởng: 22% trên 6.9%/người/ tháng

Phó hiệu trưởng: 20% trên 6.9%/người/ tháng

Kế toán : 18% trên 6.9%/người/ tháng

Văn thư: 8% trên 6.9%/người/ tháng

Nhân viên PV, Bảo vệ: 3% trên 6.9% /người/ tháng

* Chi 16.1% trên tổng số học sinh học trong tháng chia đều cho giáo viên theo sĩ số từng lớp

- Chi nghiệp vụ chuyên môn, Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động: 5% Chi Mua sắm CSVC, sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất và trang thiết bị đồ dùng, đồ chơi... Hỗ trợ tiền điện, nước.

- Khấu hao tài sản cố định: 100.000đ - 200.000đồng/năm

- 2% đóng thuế thu nhập doanh nghiệp

6.1.3 Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ: Nhịp điệu

- Chi thanh toán cá nhân (giáo viên giảng dạy trực tiếp - giáo viên hợp đồng công ty thuê ngoài): Chi 60% trên tổng số thu / môn / tháng

- Chi cho bộ phận trực tiếp (Giáo viên), gián tiếp (cán bộ quản lý, bộ phận hành chính):

* Chi 10% trên tổng số học sinh học trong tháng chia cho cán bộ quản lý, nhân viên Hành chính (KT, VT), NVPV, BV: tùy theo chức vụ công việc, cụ thể:

Hiệu trưởng: 22% trên 10%/người/ tháng

Phó hiệu trưởng: 20% trên 10%/người/ tháng

Kế toán : 18% trên 10%/người/ tháng

Văn thư: 8% trên 10%/người/ tháng

Nhân viên PV, Bảo vệ: 3% trên 10% /người/ tháng

* Chi 18% trên tổng số học sinh học trong tháng chia đều cho giáo viên theo sĩ số từng lớp

- Chi nghiệp vụ chuyên môn, Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động: 10% Chi mua quần áo nhịp điệu, múa, quạt múa, nón.... Mua sắm CSVC, sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất và trang thiết bị đồ dùng, đồ chơi... Hỗ trợ tiền điện, nước.

- Khấu hao tài sản cố định: 150.000đ - 300.000đồng/năm

- 2% đóng thuế thu nhập doanh nghiệp

6.1.4 Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống

- Chi thanh toán cá nhân (giáo viên giảng dạy trực tiếp - giáo viên hợp đồng công ty thuê ngoài): Chi 90% trên tổng số thu / môn / tháng

- Chi cho bộ phận trực tiếp (Giáo viên), gián tiếp (cán bộ quản lý, bộ phận hành chính):

* Chi 1.5% trên tổng số học sinh học trong tháng chia cho cán bộ quản lý, nhân viên Hành chính (KT, VT), NVPV, BV: tùy theo chức vụ công việc, cụ thể:

Hiệu trưởng: 22% trên 1.5%/người/ tháng

Phó hiệu trưởng: 20% trên 1.5%/người/ tháng

Kế toán : 18% trên 1.5%/người/ tháng

Văn thư: 8% trên 1.5%/người/ tháng

Nhân viên PV, Bảo vệ: 3% trên 1.5% /người/ tháng

* Chi 3.5% trên tổng số học sinh học trong tháng chia đều cho giáo theo sĩ số từng lớp

- Chi nghiệp vụ chuyên môn, Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động: 3% Chi Mua sắm CSVC, sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất và trang thiết bị đồ dùng, đồ chơi... Hỗ trợ tiền điện, nước.

- Khấu hao tài sản cố định: 150.000đ - 300.000đồng/năm

- 2% đóng thuế thu nhập doanh nghiệp

6.1.5 Tiền tổ chức Giáo dục STEM

- Chi thanh toán cá nhân (giáo viên giảng dạy trực tiếp - giáo viên hợp đồng công ty thuê ngoài): Chi 80% trên tổng số thu / môn / tháng

- Chi cho bộ phận trực tiếp (Giáo viên), gián tiếp (cán bộ quản lý, bộ phận hành chính):

* Chi 3% trên tổng số học sinh học trong tháng chia cho cán bộ quản lý, nhân viên Hành chính (KT, VT), NVPV, BV: tùy theo chức vụ công việc, cụ thể:

Hiệu trưởng: 22% trên 3%/người/ tháng

Phó hiệu trưởng: 20% trên 3%/người/ tháng

Kế toán : 18% trên 3%/người/ tháng

Văn thư: 8% trên 3%/người/ tháng

Nhân viên PV, Bảo vệ: 3% trên 3% /người/ tháng

* Chi 10% trên tổng số học sinh học trong tháng chia đều cho giáo viên theo sĩ số từng lớp

- Chi nghiệp vụ chuyên môn, Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động: 5% Mua sắm vật tư, đồ dùng dạy học, Sách tham khảo cho Giáo viên, học sinh... hỗ trợ tiền điện nước, vệ sinh môi trường, vật tư VP, VPP, Mua sắm CSVC, sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất và trang thiết bị...

- Khấu hao tài sản cố định: 100.000đ - 200.000đồng/năm

- 2% đóng thuế thu nhập doanh nghiệp

6.1.6 Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ

- Chi thanh toán cá nhân (giáo viên giảng dạy trực tiếp - giáo viên hợp đồng công ty thuê ngoài): Chi 80% trên tổng số thu / môn / tháng

- Chi cho bộ phận trực tiếp (Giáo viên), gián tiếp (cán bộ quản lý, bộ phận hành chính):

* Chi 3% trên tổng số học sinh học trong tháng chia cho cán bộ quản lý, nhân viên Hành chính (KT, VT), NVPV, BV: tùy theo chức vụ công việc, cụ thể:

Hiệu trưởng: 22% trên 3%/người/ tháng

Phó hiệu trưởng: 20% trên 3%/người/ tháng

Kế toán : 18% trên 3%/người/ tháng

Văn thư: 8% trên 3%/người/ tháng

Nhân viên PV, Bảo vệ: 3% trên 3% /người/ tháng

* Chi 10% trên tổng số học sinh học trong tháng chia đều cho giáo viên theo sĩ số từng lớp

- Chi nghiệp vụ chuyên môn, Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động: 5% Mua sắm vật tư, đồ dùng dạy học, Sách tham khảo cho Giáo viên, học sinh... hỗ trợ tiền điện nước, vệ sinh môi trường, vật tư VP, VPP, Mua sắm CSVC, sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất và trang thiết bị...

- Khấu hao tài sản cố định: 500.000đ – 1.000.000đồng/năm

- 2% đóng thuế thu nhập doanh nghiệp

6.2 Chi Các khoản thu cho cá nhân học sinh

6.2.1 Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú

- 98% Chi mua sắm cơ sở vật chất, các thiết bị vật dụng phục vụ cho học sinh bán trú, sửa chữa đồ dùng bán trú .Thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú: gồm nệm, chăn, gối, khăn mặt, bát, đĩa, khay, thìa, muỗng, ly, cốc...phục vụ học sinh bán trú

- 2% đóng thuế thu nhập doanh nghiệp

6.2.2 Tiền học phẩm – học cụ - học liệu

6.2.2.1 Học phẩm

- 98% Chi mua học phẩm : đất nặn, kéo, màu nước, bút màu, thủ công, hoa hồng, hoa sen, sô liên lạc, bút sáp, cọ vẽ, giấy vẽ, giấy màu, thủ công...

- 2% đóng thuế thu nhập doanh nghiệp

6.2.2.2 Học cụ - Học liệu

- 98% Chi mua học cụ, học liệu: Đồ dùng, đồ chơi trong lớp theo TT02 của NT-MG, bộ sách GD MN, vật liệu, vật tư làm đồ dùng, đồ chơi dạy học, đồ chơi vận động ngoài trời...

- 2% đóng thuế thu nhập doanh nghiệp

6.2.3 Tiền suất ăn trưa bán trú

- 98% Chi mua rau củ quả, thực phẩm tươi sống, thực phẩm kho, gas chất đốt, yaourt, bánh Plan, gạo phục vụ bữa ăn học sinh

- 2% đóng thuế thu nhập doanh nghiệp

6.2.4 Tiền suất ăn sáng

- 98% Chi mua rau củ quả, thực phẩm tươi sống, thực phẩm kho, gas chất đốt, yaourt, bánh Plan, gạo phục vụ bữa ăn học sinh

- 2% đóng thuế thu nhập doanh nghiệp

6.2.5 Tiền nước uống

- 98% Chi mua nước I-On life

- 2% đóng thuế thu nhập doanh nghiệp

CHƯƠNG III

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG KINH PHÍ THẶNG DƯ

BẢNG
G
ON
NHÀ
HƯỚNG

Điều 12: Phương án sử dụng kinh phí tiết kiệm:

Kết thúc năm tài chính, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản thu, chi thường xuyên giao tự chủ, trích khấu hao tài sản cố định, trích lập nguồn cải cách tiền lương theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 16 Nghị định 60/2021/NĐ-CP, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi hoạt động thường xuyên giao tự chủ (nếu có) được thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ, phần thặng dư còn lại đơn vị được tiến hành theo trình tự sau:

1. Trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp;
2. Trích lập Quỹ bổ sung thu nhập và chi thu nhập tăng thêm;
3. Trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi;
4. Trích lập Quỹ khác theo quy định của pháp luật;
5. Phần chênh lệch thu lớn hơn chi còn lại (nếu có) sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

Dự kiến số phân phối kết quả tài chính trong năm: Thu (NS nguồn 13 + học phí + dịch vụ) – Chi (NS nguồn 13 + học phí + dịch vụ) = 100.000.000đồng – 390.000.000đồng

- Từ Ngân sách: 100.000.000đồng – 190.000.000đồng

- Từ học phí: 100.000.000đồng – 200.000.000đồng

Dự kiến trích lập:

1. Trích cải cách tiền lương từ nguồn thu học phí: 80.000.000đồng
2. Phần còn lại từ 100.000.000đồng - 310.000.000đ dùng để trích lập các nguồn quỹ:

- Trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 10% Từ 10.000.000 đồng – 31.000.000đồng.

- Trích lập Quỹ bổ sung thu nhập và chi thu nhập tăng thêm: 50% (trong đó: trích Quỹ bổ sung thu nhập 1%; Chi thu nhập tăng thêm: 49%). Từ 50.000.000đồng – 155.000.000đồng

- Trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi: 40% (trong đó: trích Quỹ khen thưởng 10%, Quỹ Phúc lợi 30%) từ 40.000.000đồng – 124.000.000đồng.

3. Đối với nguồn thanh lý tài sản và lãi ngân hàng: Sau khi trừ các khoản chi phí liên quan, trích 100% vào quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp theo quy định.

Điều 13: Sử dụng các quỹ

13.1 Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp

-Đề đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc; phát triển năng lực hoạt động sự nghiệp; chi áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ; đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động trong đơn vị; mua bản quyền tác phẩm, chương trình; góp vốn liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước để tổ chức hoạt động dịch vụ sự nghiệp công theo chức năng, nhiệm vụ được giao và các khoản chi khác (nếu có);

- Đầu tư, phát triển nâng cao hoạt động sự nghiệp, bổ sung vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc:

+ Bộ vận động ngoài trời cho nhà trẻ

13.2 Quỹ bổ sung thu nhập và chi thu nhập tăng thêm

Trả thu nhập tăng thêm cả năm từ nguồn NSNN và thu sự nghiệp: xây dựng phương án chi trả thu nhập tăng thêm cụ thể cho người lao động gồm:

- Lao động trong chỉ tiêu biên chế(viên chức).

- Lao động hợp đồng 111.

Lưu ý:

+ Trường hợp chuyển công tác do ngành điều động được hưởng các tháng công tác tại trường.

+ Trường hợp hộ sản và nghỉ việc, chỉ được tính TNTT những tháng trong năm có tham gia công tác, số tháng nghỉ hộ sản, nghỉ việc không hưởng lương sẽ không được hưởng TNTT.

+ Trường hợp sinh con thứ 3 sẽ không được hưởng thu nhập tăng thêm của cả năm

- Đối với hợp đồng trường:

+ Hợp đồng trường có thời gian hợp đồng 12 tháng trở lên được tính khi vẫn còn công tác tại trường tại thời điểm chi thu nhập tăng thêm.

+ Hợp đồng trường là nhân viên nuôi dưỡng, hợp đồng khoán không được hưởng thu nhập tăng thêm.

Cuối năm, sau khi chi lương và các khoản chi hoạt động, tùy vào số kinh phí tiết kiệm được, sẽ chi thu nhập tăng thêm cho CBGVNV. Căn cứ vào qui chế chi tiêu nội bộ năm 2025 và ý kiến thống nhất của tất cả các thành viên trong tập thể sư phạm nhà trường, mức thu nhập tăng thêm năm 2025 sẽ chia cụ thể như sau:

Thu nhập tăng thêm = Số tháng thực tế công tác + hệ số chức vụ/ hệ số hiệu quả hoàn thành nhiệm vụ.

-Số tháng thực tế công tác : Công tác đủ 12 tháng trong năm : Hệ số: 1,20

-Hệ số chức vụ/ hệ số hiệu quả hoàn thành công việc:

Chức vụ	Hệ số hiệu quả hoàn thành công việc
• Hiệu trưởng :	0,35
• P hiệu trưởng+ kế toán :	0,30
• Chủ tịch công đoàn:	0,20
• Tổ trưởng CM:	0,20
• TTND, BTChi Đoàn	0,20
• Thủ kho, Phó CT công đoàn (nữ công)	0,15
• Tổ trưởng CD, Phó BTCĐ, thư ký HĐSP, y tế, UBKT công đoàn, học cụ- văn thể mỹ :	0,10

Thời điểm chi thu nhập tăng thêm: Cuối năm tài chính, sau khi hoàn thành nhiệm vụ chi thường xuyên trong năm.

13.3 Quỹ khen thưởng

Khen thưởng thi đua: được căn cứ vào kết quả bình bầu xếp loại hàng tháng thông qua kết quả thi đua

Hoàn thành XSNV: Từ 200.000 – 3.000.000đ/người/năm

Hoàn thành tốt nhiệm vụ: Từ 100.000 – 1.500.000đ/người/năm

Hoàn thành và không hoàn thành nhiệm vụ: (Không khen thưởng)

Thời điểm khen thưởng: Cuối mỗi học kỳ hoặc cuối năm học sau khi có Quyết định khen thưởng của Hiệu trưởng

13.4. Quỹ phúc lợi

Chi cho đội ngũ Viên chức và người lao động trong nhà trường:

- Hỗ trợ các ngày lễ: tết Dương lịch, mừng 10/3 âm lịch, 8/3, 30/4, 1/5, 2/9,: từ 100.000đ – 500.000đ/người/ngày lễ (nếu có)

- Hỗ trợ bảo vệ trực lễ, tết nguyên đán : 300.000đồng/người/ lễ

- Lễ 20/11 từ 100.000đ – 500.000đ/người/ngày lễ (trực tiếp 60%; gián tiếp 100%) (nếu có)

- Trợ cấp tết Nguyên đán 100.000đ – 3.000.000đ/người/lễ (trực tiếp 60%; gián tiếp 100%) (nếu có)

-Trang bị đồng phục từ 500.00đ – 3.000.000đ/người/năm

- Khám sức khỏe tổng quát: 300.000 - 1.000.000đ/năm

- Hỗ trợ tham quan hè: 2.000.000 - 10.000.000đồng/ người

Hình thức thanh toán: chuyển trả vào tài khoản cá nhân hoặc thanh toán bằng hoá đơn.

Điều 14: Quy định về việc lựa chọn ngân hàng thương mại:

1. Đơn vị mở tài khoản đối với các khoản thu từ hoạt động sự nghiệp, hoạt động kinh doanh, dịch vụ tại ngân hàng: AgriBank- CN An Phú

2. Đơn vị mở tài khoản chuyên thu đối với học phí theo mức giá quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại ngân hàng: AgriBank- CN An Phú và định kỳ nộp vào tài khoản tiền gửi của đơn vị mở tại Kho bạc Nhà nước Tân Bình để quản lý theo quy định.

3. Đơn vị mở tài khoản chi lương cho VC-NLĐ tại ngân hàng: VietinBank- CN Tân Bình .

4. Các khoản kinh phí thuộc ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, gồm: kinh phí ngân sách nhà nước cấp, các khoản thu phí theo pháp luật về phí, lệ phí và các khoản khác của ngân sách nhà nước (nếu có) đơn vị mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để quản lý.

5. Các Quỹ được trích lập theo quy định tại Nghị định này được gửi tiền tại Ngân hàng VietinBank- CN Tân Bình và tài khoản tại Kho bạc Nhà nước Tân Bình.

Điều 15: Quy định việc xử lý vi phạm đối với các trường hợp khi sử dụng vượt mức khoán; tiêu chuẩn, định mức quy định

Theo Quy định tại Mục 13 Phụ lục số 5 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2022/TT-

BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022: “Quy định việc xử lý vi phạm đối với các trường hợp khi sử dụng vượt mức khoán; tiêu chuẩn, định mức quy định”

Trường hợp vi phạm quy chế chi tiêu nội bộ được xử lý như sau:

1. Nếu vi phạm quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công có liên quan đến các lĩnh vực đã có quy định của Nhà nước thì phải xử lý theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Nếu vi phạm quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công ngoài vi phạm nêu trên thì tùy theo tính chất, mức độ để xử lý.

CHƯƠNG IV

TRÁCH NHIỆM CỦA THỦ TRƯỞNG VÀ VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 16.

1. Thủ trưởng có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra hoạt động của các bộ phận trong việc thực hiện các chế độ về tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ đã được ban hành.

b) Quản lý điều hành mọi hoạt động thu chi về tài chính của nhà trường theo đúng quy định.

c) Phối hợp chặt chẽ với Công đoàn xem xét và giải quyết các quyền lợi liên quan đến công chức, viên chức, người lao động.

d) Chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và trước pháp luật đối với các quyết định thực hiện quyền tự chủ về tài chính của đơn vị.

e) Bảo đảm chất lượng dịch vụ sự nghiệp công theo các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

f) Thực hiện quy định công khai; trách nhiệm giải trình hoạt động và số liệu thu, chi khi lập phương án tự chủ tài chính của đơn vị trước cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan kiểm toán, thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật. Định kỳ hằng năm, đơn vị có trách nhiệm báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị cho cơ quan quản lý cấp trên theo quy định.

2. Viên chức và người lao động có trách nhiệm:

a) Viên chức và người lao động đã thống nhất về những nội dung của quy chế chi tiêu nội bộ.

b) Viên chức và người lao động thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ này theo quy định.

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Tổ chức thực hiện

- Về nguồn thu dịch vụ: Trường tập trung khai thác nguồn thu trong phạm vi cho phép, giáo viên ở các lớp phối hợp cùng kế toán của trường nhắc nhở phụ huynh đóng

các khoản tiền hàng tháng đầy đủ và kịp thời để phòng kế toán quyết toán đúng thời gian quy định;

- Xây dựng định mức chi: Dựa vào tiêu chuẩn định mức của nhà nước quy định từ đó đơn vị thảo luận thống nhất xây dựng mức chi chưa có quy định của nhà nước theo tình hình thực tế và khả năng nguồn kinh phí của đơn vị.

Điều 18. Quy định điều khoản thi hành

Quy chế chi tiêu nội bộ này được thống nhất với Công đoàn Nhà trường và thảo luận rộng rãi công khai tại Hội nghị cán bộ, viên chức của Nhà trường và chính thức thông qua Hội đồng Trường trước khi ban hành.

Quy chế có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký quyết định ban hành, và được áp dụng từ ngày 01/01/2025; mọi quy định trước đây của trường trái với Quy chế chi tiêu nội bộ này đều bị bãi bỏ.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần phải bổ sung sửa đổi để Quy chế chi tiêu nội bộ ngày một phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị.

Quy chế này được gửi đến cơ quan tài chính, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Kho bạc Nhà nước nơi Trường mở tài khoản, thông báo toàn trường theo quy định hiện hành./.

TRƯỜNG MẦM NON TÂN SƠN NHẤT